

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Hậu Giang**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;*

*Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phân công, phân cấp quản lý Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày 11 tháng 8 năm 2017 và thay thế Quyết định số 25/2014/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang về việc ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

**Điều 3.** Giao Sở Xây dựng chủ trì phối hợp với Sở Giao thông vận tải, Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh; Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc sở, Thủ trưởng cơ quan, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./ nd

**Nơi nhận:**

- VP. Chính phủ (HN - TP.HCM);
- Bộ Xây dựng;
- Bộ Công Thương;
- Bộ Giao thông vận tải;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- UBMTTQVN, các Đoàn thể tỉnh;
- VP. TU và các Ban đảng;
- VP. Đoàn ĐBQH;
- VP. HĐND tỉnh;
- Như Điều 4; *ym*
- Cơ quan Báo, Đài tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KT. TĐ

E:\2017\qdpq\SXD\_quy định QLCLCTXD xây dựng



**Nguyễn Văn Tuấn**

## QUY ĐỊNH

### **Phân công, phân cấp quản lý Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Hậu Giang**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 21/2017/QĐ-UBND ngày 01 tháng 8  
năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang)*

## Chương I

### **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định phân công, phân cấp quản lý Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Những nội dung khác liên quan đến quản lý chất lượng công trình xây dựng không được quy định tại Quy định này thì thực hiện theo Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014, Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng; Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng.

#### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Quy định này áp dụng đối với Sở Xây dựng; Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành; Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh; Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện); các chủ đầu tư, tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước có tham gia hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

#### **Điều 3. Giải thích từ ngữ**

1. Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành là Sở được giao nhiệm vụ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành bao gồm: Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương có trách nhiệm quản lý chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành theo quy định tại Điểm b, Điểm c, Điểm d Khoản 4 Điều 51 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ.

2. Loại công trình xây dựng là công trình được xác định theo công năng sử dụng gồm các công trình: công trình dân dụng, công trình công nghiệp, công trình giao thông, công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn, công trình hạ tầng kỹ thuật và công trình quốc phòng, an ninh.

3. Cấp công trình xây dựng được xác định theo từng loại công trình căn cứ vào quy mô, mục đích, tầm quan trọng của công trình; độ bền vững (tuổi thọ), vật liệu sử dụng và các yêu cầu kỹ thuật khác. Mỗi loại công trình được chia làm 5 cấp bao gồm: cấp đặc biệt, cấp I, II, III, IV.

4. Hồ sơ hoàn thành công trình là tập hợp các hồ sơ, tài liệu có liên quan tới quá trình đầu tư xây dựng công trình cần được lưu lại sau khi đưa công trình vào sử dụng.

## Chương II

### PHÂN CÔNG, PHÂN CẤP, TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

#### **Điều 4. Phân công, phân cấp quản lý chất lượng công trình xây dựng**

1. Sở Xây dựng chịu trách nhiệm quản lý chất lượng công trình dân dụng, công trình công nghiệp vật liệu xây dựng, công trình công nghiệp nhẹ, công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình giao thông trong đô thị (trừ công trình đường sắt, công trình cầu vượt sông và đường quốc lộ).

2. Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm quản lý chất lượng công trình giao thông (trừ các công trình giao thông do Sở Xây dựng quản lý).

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm quản lý chất lượng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn.

4. Sở Công Thương chịu trách nhiệm quản lý chất lượng công trình công nghiệp trừ các công trình công nghiệp do Sở Xây dựng, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh quản lý.

5. Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh chịu trách nhiệm quản lý chất lượng công trình xây dựng trong các khu công nghiệp do Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh quản lý.

6. Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm quản lý chất lượng công trình xây dựng thuộc dự án do Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đầu tư và cụm công nghiệp do Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý.

## **Điều 5. Trách nhiệm quản lý Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng**

1. Sở Xây dựng là cơ quan đầu mối giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất quản lý Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh, thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản hướng dẫn triển khai các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh.

b) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện, các tổ chức và cá nhân tham gia hoạt động xây dựng thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng.

c) Kiểm tra thường xuyên, định kỳ theo kế hoạch và kiểm tra đột xuất công tác quản lý chất lượng của các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng và chất lượng các công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh.

d) Chủ trì, phối hợp với Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành kiểm tra việc tuân thủ quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành.

đ) Thẩm định thiết kế xây dựng công trình xây dựng chuyên ngành do Sở quản lý theo quy định tại Nghị định về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.

e) Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 6 Quy định này.

g) Kiểm tra việc thực hiện bảo trì công trình xây dựng, đánh giá sự an toàn chịu lực và vận hành công trình trong quá trình khai thác, sử dụng đối với công trình xây dựng chuyên ngành do Sở quản lý.

h) Yêu cầu chủ đầu tư, chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình lựa chọn tổ chức thí nghiệm đối chứng, kiểm định chất lượng, thí nghiệm khả năng chịu lực của kết cấu công trình trong quá trình thi công theo quy định tại Điểm c Khoản 1 và Điểm đ Khoản 2 Điều 29 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ.

i) Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức giám định công trình xây dựng khi được yêu cầu và tổ chức giám định nguyên nhân sự cố theo quy định tại Điều 49 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ; theo dõi, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình sự cố trên địa bàn tỉnh.

k) Hướng dẫn việc đăng ký thông tin năng lực hoạt động xây dựng của các tổ chức, cá nhân trên cả nước và đăng tải trên trang thông tin điện tử do Sở quản lý theo quy định.

l) Tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Xây dựng về việc tuân thủ quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng và tình hình chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh định kỳ trước ngày 15 tháng 12 hàng năm và đột xuất khi có yêu cầu; báo cáo danh sách các nhà thầu vi phạm quy định về quản lý chất lượng công trình khi tham gia các hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh.

2. Trách nhiệm quản lý Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng của Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng kiểm tra thường xuyên, định kỳ theo kế hoạch và kiểm tra đột xuất công tác quản lý chất lượng của tổ chức, cá nhân tham gia xây dựng công trình chuyên ngành và chất lượng các công trình xây dựng chuyên ngành trên địa bàn tỉnh.

b) Thực hiện quy định tại Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4 Điều 4 Quy định này đối với công trình xây dựng chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý của Sở.

c) Thực hiện quy định tại Điểm đ, Điểm g, Điểm h Khoản 1 Điều 5 Quy định này đối với công trình xây dựng chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý của Sở.

d) Phối hợp với Sở Xây dựng tổ chức giám định công trình xây dựng chuyên ngành khi được yêu cầu và tổ chức giám định nguyên nhân sự cố đối với công trình xây dựng chuyên ngành; tổng hợp, báo cáo Sở Xây dựng về tình hình chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành trên địa bàn tỉnh trước ngày 05 tháng 12 hàng năm và đột xuất khi có yêu cầu theo mẫu tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này.

đ) Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng theo quy định tại Điểm b, Điểm c, Điểm d Khoản 1 Điều 6 Quy định này.

3. Trách nhiệm quản lý Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng kiểm tra thường xuyên, định kỳ theo kế hoạch và kiểm tra đột xuất công tác quản lý chất lượng của tổ chức, cá nhân tham gia xây dựng công trình và chất lượng các công trình xây dựng do Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh quản lý.

b) Thực hiện quy định tại Khoản 5 Điều 4 Quy định này đối với công trình xây dựng thuộc phạm vi quản lý của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh.

c) Phối hợp với Sở Xây dựng tổ chức giám định công trình xây dựng khi được yêu cầu và tổ chức giám định nguyên nhân sự cố đối với công trình xây dựng; tổng hợp, báo cáo Sở Xây dựng về tình hình chất lượng công trình xây dựng do Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh quản lý trước ngày 05 tháng 12 hàng năm và đột xuất khi có yêu cầu theo mẫu tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này.

d) Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng theo quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều 6 Quy định này.

4. Trách nhiệm quản lý Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng của Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã, các tổ chức và cá nhân tham gia hoạt động xây dựng trên địa bàn thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng.

b) Kiểm tra định kỳ, đột xuất việc tuân thủ quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng đối với các công trình do Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý theo quy định tại Khoản 6 Điều 4 Quy định này.

c) Phối hợp với Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành kiểm tra công trình xây dựng trên địa bàn khi được yêu cầu.

d) Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng theo quy định tại Điểm e Khoản 1 Điều 6 Quy định này.

đ) Báo cáo sự cố, giải quyết sự cố theo quy định tại Điều 47, Điều 48 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ.

e) Tổng hợp báo cáo Sở Xây dựng việc tuân thủ quy định về tình hình quản lý chất lượng công trình xây dựng và tình hình chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn mình quản lý trước ngày 05 tháng 12 hàng năm và đột xuất khi có yêu cầu theo mẫu tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này.

### **Chương III**

## **PHÂN CẤP KIỂM TRA CÔNG TÁC NGHIỆM THU CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG**

### **Điều 6. Thẩm quyền kiểm tra công tác nghiệm thu công trình của cơ quan quản lý Nhà nước về xây dựng**

1. Cơ quan có thẩm quyền kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng trên địa bàn trừ các công trình thuộc thẩm quyền quy định tại Điểm a, Điểm b và Điểm đ Khoản 2 Điều 32 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ, theo phân cấp như sau:

a) Sở Xây dựng kiểm tra công tác nghiệm thu đối với các công trình dân dụng, công trình công nghiệp vật liệu xây dựng, công trình công nghiệp nhẹ, công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình giao thông trong đô thị cấp II, III, IV; trừ công trình đường sắt, công trình cầu vượt sông và đường quốc lộ và các công trình quy định tại Điểm đ, Điểm e Khoản này.

b) Sở Giao thông vận tải kiểm tra công tác nghiệm thu đối với các công trình giao thông cấp II, III, IV; trừ các công trình giao thông thuộc thẩm quyền kiểm tra công tác nghiệm thu của Sở Xây dựng và Ủy ban nhân dân cấp huyện.

c) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra công tác nghiệm thu đối với các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn cấp II, III, IV; trừ các công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra công tác nghiệm thu quy định tại Điểm đ, Điểm e Khoản này.

d) Sở Công Thương kiểm tra công tác nghiệm thu đối với các công trình công nghiệp cấp II, III, IV; trừ các công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra công tác nghiệm thu quy định tại Điểm a, Điểm đ, Điểm e Khoản này.

d) Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh kiểm tra công tác nghiệm thu đối với các công trình xây dựng cấp II, III, IV trong các khu công nghiệp do Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh quản lý.

e) Ủy ban nhân dân cấp huyện kiểm tra công tác nghiệm thu đối với các công trình thuộc dự án do Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đầu tư và cụm công nghiệp do Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý.

2. Các công trình thuộc đối tượng được cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền kiểm tra công tác nghiệm thu được quy định tại Khoản 1 Điều 32 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ.

3. Nội dung, trình tự thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng được quy định tại Điều 13 Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

## **Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 7. Điều khoản thi hành**

1. Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy định này.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu gặp khó khăn vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan phản ánh về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét điều chỉnh cho phù hợp./. nd

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Tuấn**

**Phụ lục**  
**MẪU BÁO CÁO VỀ TÌNH HÌNH KIỂM TRA QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG**  
**CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG, KIỂM TRA CÔNG TÁC NGHIỆM THU**  
**VÀ SỰ CỐ CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG DO CƠ QUAN**  
**CÓ THẨM QUYỀN QUẢN LÝ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 21 /2017/QĐ-UBND ngày 01 tháng 8 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang)

..... (1) .....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

....., ngày..... tháng..... năm.....

**BÁO CÁO**

**Về tình hình kiểm tra công tác nghiệm thu và sự cố công trình xây dựng**  
**do ..... (1)..... quản lý năm ....(2)....**

Kính gửi: Sở Xây dựng

**I. Số lượng công trình xây dựng thuộc thẩm quyền quản lý chất lượng công trình xây dựng**

Thống kê số lượng các công trình xây dựng thuộc thẩm quyền quản lý chất lượng công trình xây dựng:

Loại công trình	Đang thi công					Đã hoàn thành				
	Cấp công trình					Cấp công trình				
	Đặc biệt	I	II	III	IV	Đặc biệt	I	II	III	IV
Dân dụng										
Công nghiệp										
Giao thông										
Nông nghiệp và PTNT										
Hạ tầng kỹ thuật										
Tổng số										

1. Số công trình thuộc các Bộ, Ngành: ..... công trình.
2. Số công trình xây dựng sử dụng vốn ngân sách Nhà nước: ..... công trình.
3. Số công trình xây dựng sử dụng các nguồn vốn khác: ..... công trình.

## II. Số lượng công trình xây dựng đã và đang kiểm tra công tác nghiệm thu

Thông kê số lượng các công trình xây dựng thuộc thẩm quyền kiểm tra công tác nghiệm thu:

Loại công trình	Đang tổ chức kiểm tra			Đã chấp thuận nghiệm thu			Không chấp thuận nghiệm thu (3)		
	Cấp công trình			Cấp công trình			Cấp công trình		
	II	III	IV	II	III	IV	II	III	IV
Dân dụng									
Công nghiệp									
Giao thông									
Nông nghiệp và PTNT									
Hạ tầng kỹ thuật									
Tổng số									

1. Số công trình xây dựng sử dụng vốn ngân sách Nhà nước: ..... công trình.

2. Số công trình xây dựng sử dụng các nguồn vốn khác: ..... công trình.

## III. Sự cố công trình xây dựng

Thông kê số lượng sự cố công trình trong quá trình thi công xây dựng và khai thác sử dụng:

Loại công trình	Công trình đang thi công xây dựng			Công trình đang khai thác, sử dụng		
	Cấp sự cố			Cấp sự cố		
	I	II	III	I	II	III
Dân dụng						
Công nghiệp						
Giao thông						
Nông nghiệp và PTNT						
Hạ tầng kỹ thuật						
Tổng số						

#### IV. Các nội dung báo cáo khác và kiến nghị

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: ....

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN**

(Chữ ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu pháp nhân)

**Ghi chú:**

(1) Tên cơ quan quản lý chất lượng công trình xây dựng theo quy định tại Điều 4 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số /2017/QĐ-UBND ngày tháng năm 2017 của UBND tỉnh Hậu Giang..

(2) Năm báo cáo.

(3) Thống kê số lượng những công trình đã hoàn thành thi công xây dựng nhưng chưa đủ điều kiện để chấp thuận nghiệm thu.